

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
TV.PHARM**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán	4
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	5 – 7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
- Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM được thành lập theo Quyết định số 355/QĐ-CTT ngày 17/03/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 2100274872 đăng ký lần đầu ngày 09/05/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 20/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp.

Vốn điều lệ: 63.000.000.000 đồng tương đương 6.300.000 cổ phần

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

2. Các thành viên của Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội Đồng Quản Trị Công ty bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
- Ông Lê Văn Hồ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	25/08/2006
- Ông Hà Văn Đồng	Ủy viên	25/08/2006
- Ông Nguyễn Đăng Nguyên	Ủy viên	25/08/2006
- Ông Bùi Văn Tòng	Ủy viên	25/08/2006
- Ông Trương Công Hà	Ủy viên	25/08/2006
- Ông Hoàng Văn Giới	Ủy viên	25/08/2006
- Bà Trần Thị Hoa	Ủy viên	25/08/2006

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
- Ông Lê Hữu Phước	Trưởng Ban kiểm soát	25/08/2006
- Ông Nguyễn Thành Sĩ	Thành viên	25/08/2006
- Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Thành viên	10/08/2008

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
- Ông Lê Văn Hồ	Tổng Giám đốc	25/08/2006
- Ông Nguyễn Đăng Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	25/08/2006
- Ông Bùi Văn Tòng	Phó Tổng Giám đốc	25/08/2006
- Ông Hà Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc	01/03/2007

3. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại : 0743 753121

Fax : 0743 855371

Mã số thuế : 2100274872

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các đơn vị trực thuộc Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM:

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM tại Hà Nội đặt tại số 22 11B Trung Yên 10, khu đô thị Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM tại Đà Nẵng đặt tại số 423 Trưng Nữ Vương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM tại thành phố Hồ Chí Minh đặt tại số Q1 Bis Bạch Mã, cư xá Bắc Hải, phường 15, quận 10 thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM tại Đồng Nai đặt tại số 20/4, KP 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM tại An Giang đặt tại số 11B, đường Bùi Thị Xuân, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM tại Cần Thơ đặt tại số 17B2 khu dân cư 91B, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM tại Trà Vinh đặt tại số 37 – 39 Phạm Thái Bường, phường 3, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM tại Đắk Lắk đặt tại số 38/08, Lê Thị Hồng Gấm, phường Tân An, Thành phố Buôn Mê Thuộc, tỉnh Đắk Lắk.

4. Hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5803000005, do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập: thuốc tân dược, đông dược, sinh phẩm y tế và nguyên liệu, tá dược, bao bì dùng trong ngành y dược; mỹ phẩm, hóa chất xét nghiệm, thiết bị dụng cụ dùng trong phòng thí nghiệm (lý - hóa - sinh), thuốc sát trùng (dùng ngoài); thực phẩm dinh dưỡng, sữa, nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết, nước uống từ dược liệu và nước uống không chứa cồn

Trong năm 2010 các ngành nghề kinh doanh chủ yếu là: Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập: thuốc tân dược, đông dược, sinh phẩm y tế và nguyên liệu, tá dược, bao bì dùng trong ngành y dược; mỹ phẩm, hóa chất xét nghiệm, thiết bị dụng cụ dùng trong phòng thí nghiệm (lý - hóa - sinh), thuốc sát trùng (dùng ngoài). Ngoài ra Công ty không có kinh doanh khác.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH BDO Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

9. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trà Vinh, ngày 04 tháng 03 năm 2011

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

LÊ VĂN HỒ

Số: 066/2010/BCKT-BDOCT

Cần Thơ, ngày 06 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM.

**Kính gửi: Các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của **Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM** gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 5 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc **Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM** cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của **Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM** và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0173/KTV

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0600/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã	Thuyết	31/12/2010	01/01/2010
	số	minh		
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		180.691.450.102	178.489.751.397
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	26.278.292.374	15.031.956.951
Tiền	111		26.278.292.374	15.031.956.951
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.513.427.241	76.762.547.740
Phải thu khách hàng	131	5.2	79.790.840.262	64.486.204.134
Trả trước cho người bán	132	5.3	1.165.255.000	1.687.176.195
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	5.4	2.557.331.979	13.139.167.411
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	5.5	(3.000.000.000)	(2.550.000.000)
Hàng tồn kho	140	5.6	64.148.015.036	73.441.072.256
Hàng tồn kho	141		64.148.015.036	73.441.072.256
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.751.715.451	13.254.174.450
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		78.100.000	87.000.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		181.378.924	700.068.836
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	9.492.236.527	12.467.105.614
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.359.369.827	53.866.925.035
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Khoản phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		49.604.475.212	53.120.817.891
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	39.194.909.517	42.666.705.821
- Nguyên giá	222		93.044.752.559	90.585.260.528
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(53.849.843.042)	(47.918.554.707)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	10.344.487.469	9.796.433.844
- Nguyên giá	228		11.345.787.028	10.465.577.028
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.001.299.559)	(669.143.184)
Chi phí XDCB dở dang	230	5.10	65.078.226	657.678.226
Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		754.894.615	746.107.144
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	754.894.615	746.107.144
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
CỘNG	270		231.050.819.929	232.356.676.432

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết Minh	31/12/2010	01/01/2010
NỢ PHẢI TRẢ	300		97.408.729.709	106.919.372.972
Nợ ngắn hạn	310		91.142.159.955	106.443.865.750
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	51.800.342.268	50.359.987.855
Phải trả người bán	312	5.13	31.664.960.976	48.040.755.018
Người mua trả tiền trước	313	5.14	32.317.056	563.037.208
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	1.329.951.662	1.149.706.761
Phải trả người lao động	315		5.542.278.780	5.613.681.739
Chi phí phải trả	316		-	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	1.018.712.755	716.697.169
Dự phòng phải trả ngắn hạn (*)	320		-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	5.17	(246.403.542)	186.199.933
Nợ dài hạn	330		6.266.569.754	475.507.222
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		507.802.707	475.507.222
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		5.758.767.047	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		133.642.090.220	125.437.303.460
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	133.642.090.220	125.251.103.52
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		63.000.000.000	63.000.000.000
	412			
Thặng dư vốn cổ phần	412		34.563.108.125	34.563.108.125
Vốn khác của chủ sở hữu	413			-
Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		13.180.409	(274.795.004)
Quỹ đầu tư phát triển	417		6.548.966.123	2.047.727.089
	418			
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.953.926.610	3.829.141.852
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.562.908.953	22.085.921.465
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		231.050.819.929	232.356.676.432

Trà Vinh, ngày 06 tháng 03 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC****HOÀNG VĂN GIỚI****LÊ VĂN HỒ**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)		-	3.974.120.998
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại:		-	-
<i>Đồng đô la Mỹ (USD)</i>		597,79	7.297,76
<i>Đồng Euro (EUR)</i>		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Trà Vinh, ngày 06 tháng 03 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC****HOÀNG VĂN GIỚI****LÊ VĂN HỒ**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết Minh	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	6.1	257.714.017.875	243.687.509.707
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	3.246.342.417	6.258.649.361
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	10	6.3	254.467.675.458	237.428.860.346
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	162.385.265.675	155.134.461.915
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		92.082.409.783	82.294.398.431
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	2.539.447.841	2.986.474.287
Chi phí hoạt động tài chính	22	6.6	14.346.113.248	13.584.952.785
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.543.792.952	4.199.180.497
Chi phí bán hàng	24	6.7	44.385.290.809	38.387.479.507
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.8	9.366.100.072	9.937.782.395
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.524.353.495	23.370.658.031
Thu nhập khác	31	6.9	736.237.222	1.219.276.764
Chi phí khác	32	6.10	10.653.720	2.066.570
Lợi nhuận khác	40		725.583.502	1.217.210.194
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.249.936.997	24.587.868.225
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	4.112.341.399	1.906.254.956
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.12	-	185.918.105
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.137.595.598	22.495.695.164
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.13	3.673	3.571

Trà Vinh, ngày 06 tháng 03 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC****HOÀNG VĂN GIỚI****LÊ VĂN HỒ**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị : VND

KHOẢN MỤC	Mã Số	Năm 2010	Năm 2009
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	27.249.936.997	24.587.868.225
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.263.444.710	4.973.868.325
- Các khoản dự phòng	03	450.000.000	2.550.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(237.398.250)	-
- Chi phí lãi vay	06	6.543.792.952	4.199.180.497
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	40.269.776.409	36.310.917.047
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(707.320.502)	(9.990.229.482)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9.293.057.220	(3.428.961.345)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(14.874.389.662)	2.908.347.868
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	112.529	(657.319.592)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.543.792.952)	(4.199.180.497)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.025.167.466)	(2.424.001.764)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.026.345.110	15.410.521.861
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(168.880.247)	(7.078.954.408)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	27.269.740.439	26.851.139.688
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.747.102.031)	(918.638.260)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	237.398.250	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.509.703.781)	(918.638.260)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ SH	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	154.885.271.813	146.538.716.245
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(153.363.211.086)	(166.686.011.618)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	34	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35	(15.034.584.318)	(3.971.115.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.512.523.591)	(24.118.410.373)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	11.247.513.067	1.814.091.055
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.031.956.951	13.216.434.612
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.177.644)	1.431.284
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	26.278.292.374	15.031.956.951

Trà Vinh, ngày 06 tháng 03 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC****HOÀNG VĂN GIỚI****LÊ VĂN HỒ**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV. PHARM được thành lập theo Quyết định số 355/QĐ-CTT ngày 17/03/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 2100274872 đăng ký lần đầu ngày 09/05/2003 đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 20/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp.

Vốn điều lệ: 63.000.000.000 đồng tương đương 6.300.000 cổ phần

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2100274872 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập: thuốc tân dược, đông dược, sinh phẩm y tế và nguyên liệu, tá dược, bao bì dùng trong ngành y dược; mỹ phẩm, hóa chất xét nghiệm, thiết bị dụng cụ dùng trong phòng thí nghiệm (lý - hóa - sinh), thuốc sát trùng (dùng ngoài); thực phẩm dinh dưỡng, sữa, nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết, nước uống từ dược liệu và nước uống không chứa cồn.

Trong năm 2010 các ngành nghề kinh doanh chủ yếu là: Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập: thuốc tân dược, đông dược, sinh phẩm y tế và nguyên liệu, tá dược, bao bì dùng trong ngành y dược; mỹ phẩm, hóa chất xét nghiệm, thiết bị dụng cụ dùng trong phòng thí nghiệm (lý - hóa - sinh), thuốc sát trùng (dùng ngoài). Ngoài ra Công ty không có kinh doanh khác.

Trụ sở chính:

Địa chỉ : Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại : 0743 753121

Fax : 0743 855372

Mã số thuế : 2100274872

Các đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Dược Phẩm TV.PHARM:

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM tại Hà Nội đặt tại số 22 11B Trung Yên 10, khu đô thị Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM tại Đà Nẵng đặt tại số 423 Trưng Nữ Vương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM tại thành phố Hồ Chí Minh đặt tại số Q1 Bis Bạch Mã, cư xá Bắc Hải, phường 15, quận 10 thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM tại Đồng Nai đặt tại số 20/4, KP 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM tại An Giang đặt tại số 11B, đường Bùi Thị Xuân, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM tại Cần Thơ đặt tại số 17B2 khu dân cư 91B, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM tại Trà Vinh đặt tại số 37 – 39 Phạm Thái Bường, phường 3, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.PHARM tại Đắk Lắk đặt tại số 38/08, Lê Thị Hồng Gấm, phường Tân An, Thành phố Buôn Mê Thuộc, tỉnh Đắk Lắk.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 505 người, trong đó số cán bộ quản lý là 10 người.

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

4.2 Các giao dịch ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Vào thời điểm cuối năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào thời điểm cuối năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận như sau :

- Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10), tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

- Theo hướng dẫn trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại được ghi nhận như sau :

* Đối với các khoản mục tiền và các khoản nợ ngắn hạn: các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại không ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm mà được trình bày trong khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán.

* Đối với các khoản phải thu dài hạn: các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

* Đối với các khoản phải trả dài hạn: các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Trường hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản phải trả này tính vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì được phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho các năm sau nhưng không quá 5 năm để doanh nghiệp không bị lỗ nhưng phần chênh lệch tỷ giá tính vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ đến hạn phải trả trong năm đó.

Trong năm tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chọn cách ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại theo hướng dẫn trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Sự thay đổi này không ảnh hưởng trọng yếu đến số đầu năm trong báo cáo tài chính và các số liệu so sánh.

Tỷ giá qui đổi các ngoại tệ tại ngày 31/12/2010 là 18.932 VND/USD, 25.189 VND/EUR.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục giá vốn hàng bán trong năm tài chính. Và được lập theo thông tư số 228/2009/TT – BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính.

Trong năm Công ty không có lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4.4 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tuy nhiên dây chuyền sản xuất Beta Lactam, với tổng nguyên giá 27.058.398.563 đồng, Công ty trích khấu hao theo kế hoạch thu hồi vốn để đảm bảo phù hợp với tình hình sản xuất của nhà máy đã được Hội đồng quản trị thông qua. Nhìn chung, toàn bộ thời gian khấu hao theo kế hoạch phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 16
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 06
Tài sản cố định khác	03
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	
Quyền sử dụng đất	50
Phần mềm máy vi tính	06
Tài sản cố định vô hình khác	04

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.6 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm 2010, không có khoản chi phí đi vay nào cần được vốn hóa.

4.7 Dự phòng phải trả

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 2% quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ trợ cấp mất việc làm không đủ chi trợ cấp cho người lao động nghỉ việc hoặc mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch đó được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2100274872 cấp lần 7 ngày 20 tháng 08 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, nguồn vốn kinh doanh của Công ty gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chủ sở hữu	Theo giấy CNĐKKD		Vốn thực góp	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh Doanh Vốn	27.387.000.000	43,47	27.387.000.000	43,47
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hậu Giang	678.000.000	1,08	678.000.000	1,08
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm IMEXPHARM	253.430.000	0,40	253.430.000	0,40
Công ty TNHH Bệnh Viện Quốc Tế Chấn Thương Chính Hình	200.000.000	0,32	200.000.000	0,32
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương I	100.000.000	0,16	100.000.000	0,16
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Toàn Chân	33.560.000	0,05	33.560.000	0,05
Công ty TNHH Xây Dựng Hồng Lược	30.000.000	0,05	30.000.000	0,05
Cổ đông trong doanh nghiệp	10.080.030.000	16,00	10.080.030.000	16,00
Cổ đông khác	24.237.980.000	38,47	24.237.980.000	38,47
Cộng	63.000.000.000	100,00	63.000.000.000	100,00

4.9 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu tài chính được ghi nhận trong kỳ là các khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn thực nhận tại các ngân hàng.

4.10 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay ngắn hạn và chênh lệch tỷ giá thực hiện phát sinh trong năm tài chính.

4.11 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Công ty nộp thuế GTGT với các thuế suất thuế GTGT như sau:

- 5% đối với kinh doanh các mặt hàng thuốc dược phẩm.
- 10% đối với kinh doanh dầu cọ, dầu đậu nành

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của chính phủ:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

- Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm, từ năm 2003 đến năm 2012.
- Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm: từ năm 2003 đến năm 2004;
- Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:
 - o 03 năm: từ 2005 đến 2007 thu nhập chịu thuế **đối với hoạt động thương nghiệp;**
 - o 05 năm: từ năm 2005 đến năm 2009 đối với **thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất;**

Đối với dự án đầu tư mở rộng nhà máy BETALACTAM, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% kể từ năm 2009 đến hết năm 2012.
- Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm: từ năm 2009 đến năm 2010;
- Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 03 năm: từ năm 2011 đến năm 2013;

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.12 Các thông tin liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.13 Tái phân loại, trình bày lại

Một số tài khoản trong báo cáo tài chính năm 2009 đã được tái phân loại cho phù hợp với sự trình bày trong năm 2010 theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và tương đương tiền

	<u>31/12/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Tiền mặt	1.918.188.202	499.461.453
- Tiền mặt (VND)	1.918.188.202	499.461.453
Tiền gửi ngân hàng	24.360.104.172	14.532.495.498
+ Tiền gửi (VND)	24.348.786.812	14.401.566.385
+ Tiền gửi USD	(i) 11.317.360	130.929.113
Cộng	<u>26.278.292.374</u>	<u>15.031.956.951</u>

(i) Số dư nguyên tệ tại ngày 31/12/2010 là 597,79USD tương đương 11.317.360 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
<i>Phải thu khách hàng khu vực Trà Vinh</i>	3.808.209.984	1.154.167.919
<i>Phải thu khách hàng chi nhánh Thành phố HCM</i>	32.674.093.213	38.957.786.403
<i>Phải thu khách hàng chi nhánh Hà Nội</i>	7.661.967.379	5.416.148.677
<i>Phải thu khách hàng Quỳ H22</i>	689.628.418	2.430.117.379
<i>Phải thu khách hàng chi nhánh Cần Thơ</i>	9.697.958.714	5.914.909.644
<i>Phải thu khách hàng chi nhánh Đồng Nai</i>	5.384.016.838	761.689.965
<i>Phải thu khách hàng chi nhánh Đà Nẵng</i>	4.458.831.953	-
<i>Phải thu khách hàng chi nhánh An Giang</i>	2.861.354.120	-
<i>Phải thu khách hàng Quỳ A15</i>	252.162.534	304.566.534
<i>Phải thu khách hàng trực thuộc chi nhánh Trà Vinh</i>	9.303.895.597	9.546.817.613
<i>Phải thu khách hàng chi nhánh Đắc Lắc</i>	2.998.721.512	-
Cộng	79.790.840.262	64.486.204.134

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Trả trước cho người bán (VND)	(i) 1.165.255.000	924.683.695
Trả trước cho người bán (USD)	-	762.492.500
Cộng	1.165.255.000	1.687.176.195

(i) Đây là khoản trả trước cho người bán về mua nguyên liệu.

5.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
- Công ty TNHH Dược Phẩm Đông Phương	1.090.476.385	1.033.395.141
- Công ty TNHH Dược Phẩm Huy Cường	200.735.338	528.404.004
- Công ty Cổ Phần SPM	-	11.027.715.481
- Công ty TNHH SX TM Bao Bì Tấn Thành	370.900.103	-
- Đối tượng khác	895.220.153	549.652.785
Cộng	2.557.331.979	13.139.167.411

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

5.5 Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Đối tượng	Số tiền lập dự phòng (VND)
Xí Nghiệp Dược 30 Công ty Đầu Tư Miền Đông	124.578.450
Công ty TNHH Dược Phẩm Hoàng Nguyên	256.870.825
Anh Lợi - Bến Cầu - Tây Ninh	75.000.000
Công ty TNHH Dược Phẩm Bửu Hòa - Đồng Nai	108.084.246
Công ty Dược Ngọc Thu - Đồng Nai	46.006.675
Nhà Thuốc Vân Anh - TP. Đà Lạt - Lâm Đồng	42.399.150
Nguyễn Thành Cao – Xí Nghiệp Dược Phẩm Trung Ương 24	36.952.000
Xí Nghiệp Dược Phẩm Trung Ương 24	30.000.000
Nguyễn Hữu Phương - Hiệu Thuốc Số 01 – Chi Nhánh Trà Vinh	19.355.432
Khoa Dược Bệnh Viện Thiện và Lộc Thiện - Q3	20.160.000
Nguyễn Văn Luận - Chi Nhánh Trà Vinh	215.167.674
Nguyễn Văn Xuân - PX cơ điện	331.138.674
Trần Công Hiến - Chi Nhánh TP HCM	63.123.417
Nguyễn Thị Loan - Việt Yên - Bắc Giang	79.599.468
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Bạc Liêu	108.341.038
Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Cà Mau	29.767.500
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Minh Hải	57.346.472
Nguyễn Thị Sa - Q Tân Bình TPHCM	33.082.600
Công ty TNHH - NN 1 Thành Viên Dược VTYT Quảng Ngãi	581.989.473
Các khách hàng khác	741.036.906
Cộng	3.000.000.000

5.6 Hàng tồn kho

Khoản mục	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
- Nguyên liệu, vật liệu	26.456.131.070	26.519.498.412
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.794.723.903	4.955.624.033
- Thành phẩm	23.226.098.250	18.780.760.383
- Hàng hóa	9.671.061.813	23.185.189.428
Cộng	64.148.015.036	73.441.072.256

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
- Tài sản thiếu chờ xử lí	61.861.986	61.900.882
- Tạm ứng	8.933.099.201	9.790.729.139
<i>Tạm ứng lương sản phẩm</i>	627.963.016	1.764.631.457
<i>Tạm ứng công tác</i>	679.123.694	692.652.197
<i>Tạm ứng mua vật tư</i>	493.854.795	820.239.461
<i>Tạm ứng tiền mua đất</i>	6.134.913.460	6.134.913.460
<i>Tạm ứng khác</i>	997.244.236	378.292.564
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	497.275.340	2.609.371.968
<i>Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng</i>	458.412.109	2.388.869.376
<i>Ký quỹ mở LC</i>	38.863.231	58.242.437
<i>Ký quỹ bảo lãnh thanh toán</i>	-	162.260.155
Cộng	9.492.236.527	12.467.105.614

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	33.066.721.254	48.687.419.396	6.325.089.559	2.495.580.320	10.450.000	90.585.260.528
- Mua trong năm	-	1.491.091.862	851.137.207	117.262.962	-	2.459.492.031
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	33.066.721.254	50.178.511.258	7.176.226.765	2.612.843.282	10.450.000	93.044.752.559
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	15.968.742.236	25.763.001.040	4.478.147.784	1.698.213.647	10.450.000	47.918.554.707
- Khấu hao trong năm	1.362.247.090	3.829.604.163	552.547.209	186.889.873	-	5.931.288.335
- Tăng do điều chỉnh	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm do điều chỉnh	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	17.330.989.326	29.592.605.203	5.030.694.993	1.885.103.520	10.450.000	53.849.843.042
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	17.097.979.018	22.924.418.356	1.846.941.774	797.366.673	-	42.666.705.821
Tại ngày cuối năm	15.735.731.928	20.585.906.055	2.145.531.772	727.739.762	-	39.194.909.517
Trong đó: - Giá trị còn lại của các tài sản dùng để thế chấp ngân hàng đảm bảo các khoản vay				28.028.740.471	đồng	
- Nguyên giá của các tài sản đã khấu hao hết nhưng đang sử dụng				23.595.421.049	đồng	

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

5.8 Tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND				
	Quyền sử dụng đất	Bảng quyền, bảng sáng chế	Phần mềm kế toán	TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	9.837.866.210	542.378.818	85.332.000	-	10.465.577.028
- Mua trong năm	236.010.000	-	644.200.000	-	880.210.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng do phân loại lại tài sản	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm do phân loại lại tài sản	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	10.073.876.210	542.378.818	729.532.000	-	11.345.787.028
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	378.991.096	271.189.416	18.962.672	-	669.143.184
- Khấu hao trong năm	108.902.994	135.594.708	87.658.673	-	332.156.375
- Tăng do phân loại lại tài sản	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm do phân loại lại tài sản	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	487.894.090	406.784.124	106.621.345	-	1.001.299.559
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	9.458.875.114	271.189.402	66.369.328	-	9.796.433.844
Tại ngày cuối năm	9.585.982.120	135.594.694	622.910.655	-	10.344.487.469

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Mua sắm TSCĐ	Xây dựng cơ bản	Tổng
Số dư ngày 01/01/2010	592.600.000	65.078.226	657.678.226
- Tăng trong năm	-	-	-
- Giảm trong năm	592.600.000	-	592.600.000
Số dư ngày 31/12/2010 (*)	-	65.078.226	65.078.226

(*) Chi tiết số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2010.

Khoản mục	Số tiền (VND)
- Hạng mục nhà chi nhánh TP. HCM	53.078.226
- Hạng mục vỏ bao che nhà máy Beta Lactam	12.000.000
Cộng	65.078.226

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	Số dư đầu kỳ	Đơn vị tính: VND		
		Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
Chi phí chờ kết chuyển	625.357.144	254.545.455	176.757.984	703.144.615
Tiền thuê nhà	120.750.000	-	69.000.000	51.750.000
Cộng	746.107.144	254.545.455	245.757.984	754.894.615

5.12 Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn tại các ngân hàng	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Vay ngắn hạn - VND	47.844.062.024	35.792.976.800
Vay ngắn hạn - USD	(i) 3.956.280.244	14.567.011.055
Cộng	(ii) 51.800.342.268	50.359.987.855

(i) Số dư vay ngoại tệ tại ngày 31/12/2010 là 208.973,18 USD tương đương 3.956.280.244 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

(ii) Chi tiết số dư Vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2010

Đối tượng	Số hợp đồng	Ngày vay	Hạn mức	Lãi suất vay	Lãi suất quá hạn	Mục đích vay	Đảm bảo vay	Số dư 31/12/2010	Thời hạn hạn mức
Ngân Hàng Công Thương Trà Vinh	393/NHCTTV	5/21/2010	52.000.000.000	Ghi theo giấy nhận nợ từng thời kỳ	150%	Mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, thành phẩm tân dược trong nước, ngoài nước và chi phí phục vụ SXKD	Thế chấp bằng tài sản cố định trị giá 62.069.000.000 đồng	33.507.712.998	6 tháng
	393/NHCTTV	5/21/2010	52.000.000.000	Ghi theo giấy nhận nợ từng thời kỳ	150%	Mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, thành phẩm tân dược trong nước, ngoài nước và chi phí phục vụ SXKD		3.956.280.244	6 tháng
Ngân Hàng Đầu Tư	01/2009/HĐ	12/23/2009	30.000.000.000	Theo từng hợp đồng ngắn hạn cụ thể	150%	Thanh toán tiền mua vật tư nguyên vật liệu và hàng hóa trong nước và nhập khẩu	Thế chấp bằng tài sản cố định trị giá 9.460.000.000 đồng	14.336.349.026	6 tháng
Cộng								51.800.342.268	

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

5.13 Phải trả người bán

	31/12/2010	01/12/2010
	(VND)	(VND)
- Phải trả người bán - VND	14.152.382.862	12.299.350.880
- Phải trả người bán - USD	(i) 7.010.130.358	24.585.768.879
- Phải trả người bán - EUR	(ii) 10.502.447.756	11.155.635.259
Cộng	(iii) 31.664.960.976	48.040.755.018

(i) Chi tiết số dư phải trả bằng ngoại tệ (USD) tại ngày 31/12/2010 là 370.279,44 USD tương đương 7.010.130.358 đồng.

(ii) Chi tiết số dư phải trả bằng ngoại tệ (EUR) tại ngày 31/12/2010 là 416.945,80 EUR tương đương 10.502.447.756 đồng.

(iii) Chi tiết phải trả người bán theo nghiệp vụ:

	31/12/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Mua nguyên liệu	14.251.837.351	10.215.731.797
Mua hàng hóa	17.338.785.798	37.274.803.324
Mua khác	74.337.827	550.219.897
Cộng	31.664.960.976	48.040.755.018

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Người mua trả trước tiền thuốc các loại	(i) 32.317.056	581.197.260
Cộng	32.317.056	581.197.260

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.090.832.085	697.945.359
Thuế xuất nhập khẩu	36.545.727	377.692.622
Thuế thu nhập doanh nghiệp	112.341.399	25.167.466
Thuế thu nhập các nhân	44.790.870	3.459.733
Các loại thuế khác	45.441.581	45.441.581
Cộng	1.329.951.662	1.149.706.761

5.16 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Tài sản thừa chờ xử lý	58.808.668	82.567.240
Phải trả thù lao Hội Đồng Quản Trị	42.000.000	100.000.000
Khoản thu trước tiền nhận ủy thác nhập khẩu hàng	530.805.382	521.950.642
Phải trả khác	387.098.705	12.179.287
Cộng	1.018.712.755	716.697.169

5.17 Quỹ khen thưởng phúc lợi

Khoản mục	Số dư đầu kỳ	Trích lập quỹ	Sử dụng quỹ	Chi khác	Đơn vị tính: VND
					Số dư cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	92.196.781	1.418.428.795	2.243.349.214	-	(732.723.638)
Quỹ phúc lợi	94.003.152	607.383.770	215.066.826	-	486.320.096

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

5.18 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở SH</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu năm trước	63.000.000.000	33.884.780.549	-	1.391.228.305	3.441.444.493	1.440.892.172	103.158.345.519
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	22.495.695.164	22.495.695.164
Tăng khác	-	678.327.576	-	-	-	-	678.327.576
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	656.498.784	387.697.359	(1.441.835.880)	(397.639.737)
Nộp bổ sung thuế TNDN	-	-	-	-	-	(65.363.687)	(65.363.687)
Chi hỗ trợ khách hàng	-	-	-	-	-	(308.135.240)	(308.135.240)
Chênh lệch tỷ giá giảm	-	-	(274.795.04)	-	-	-	(274.795.004)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(35.331.064)	(35.331.064)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	63.000.000.000	34.563.108.125	(274.795.004)	2.047.727.089	3.829.141.852	22.085.921.465	125.251.103.527
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	23.137.595.598	23.137.595.598
Chênh lệch tỷ giá tăng	-	-	287.975.413	-	-	-	287.975.413
Chi hỗ trợ khách hàng	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(43.253.731)	(43.253.731)
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	4.501.239.034	1.124.784.758	(8.017.354.379)	(2.391.330.587)
Chi cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	(12.600.000.000)	(12.600.000.000)
Số dư cuối năm nay	63.000.000.000	34.563.108.125	13.180.409	6.548.966.123	4.953.926.610	24.562.908.953	133.642.090.220

(*) Trích lập quỹ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2010

Chủ sở hữu	Theo giấy CNĐKKD		Vốn thực góp	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh Doanh Vốn	27.387.000.000	43,47	27.387.000.000	43,47
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hậu Giang	678.000.000	1,08	678.000.000	1,08
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm IMEXPHARM	253.430.000	0,40	253.430.000	0,40
Công ty TNHH Bệnh Viện Quốc Tế Chấn Thương Chính Hình	200.000.000	0,32	200.000.000	0,32
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương I	100.000.000	0,16	100.000.000	0,16
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Toàn Chân	33.560.000	0,05	33.560.000	0,05
Công ty TNHH Xây Dựng Hồng Lục	30.000.000	0,05	30.000.000	0,05
Cổ đông trong doanh nghiệp	10.080.030.000	16,00	10.080.030.000	16,00
Cổ đông khác	24.237.980.000	38,47	24.237.980.000	38,47
Cộng	63.000.000.000	100,00	63.000.000.000	100,00

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	63.000.000.000	63.000.000.000
Vốn góp đầu năm	-	-
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
Cộng	63.000.000.000	63.000.000.000

Cổ tức

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.300.000	6.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.300.000	6.300.000
Cổ phiếu phổ thông	6.300.000	6.300.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.300.000	6.300.000
Cổ phiếu phổ thông	6.300.000	6.300.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
- Quỹ đầu tư phát triển	6.548.966.123	2.047.727.089
- Quỹ dự phòng tài chính	4.953.926.610	3.829.141.852

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	257.714.017.875	243.687.509.707
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	257.714.017.875	243.687.509.707
- Hoạt động sản xuất	189.172.520.811	164.705.652.352
- Hoạt động thương mại	68.541.497.064	78.981.857.355

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.246.342.417	6.258.649.361
Chiết khấu thương mại	2.545.647.125	3.793.158.147
Giảm giá hàng bán	-	1.489.101.187
Hàng bán trả lại	700.695.292	976.390.027

6.3 Doanh thu thuần

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	254.467.675.458	237.428.860.346
Doanh thu thuần về bán hàng hóa, thành phẩm	254.467.675.458	237.428.860.346

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
-Giá vốn của hoạt động sản xuất	56.710.066.005	90.940.758.594
- Giá vốn của hoạt động thương mại	105.675.199.670	64.193.703.321
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	162.385.265.675	155.134.461.915

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	237.398.250	367.476.691
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.302.049.591	2.618.997.596
Cộng	2.539.447.841	2.986.474.287

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Lãi tiền vay	6.543.792.952	4.199.180.497
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.417.557.998	9.385.772.288
Chiết khấu thanh toán	384.762.298	-
Cộng	14.346.113.248	13.584.952.785

6.7 Chi phí bán hàng

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Chi phí nhân viên	21.670.761.291	23.471.565.708
Chi phí dụng cụ đồ dùng	251.316.735	157.854.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	766.611.758	550.291.877
Chi phí bằng tiền khác	21.696.601.025	14.207.767.009
Cộng	44.385.290.809	38.387.479.507

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	3.848.695.907	3.126.733.528
Chi phí đồ dùng văn phòng	126.537.091	198.984.920
Chi phí khấu hao tài sản cố định	575.617.948	495.616.545
Thuế, phí và lệ phí	95.493.986	146.043.606
Chi phí dự phòng	640.145.810	2.707.158.454
Chi phí dịch vụ mua ngoài	204.152.357	179.449.604
Chi phí bằng tiền khác	3.875.456.973	3.083.795.738
Cộng	9.366.100.072	9.937.782.395

6.9 Thu nhập khác

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Cho thuê nhà	29.090.909	-
Thu tiền bồi thường	112.186.246	-
Thu tiền chiết khấu	21.103.847	334.808.486
Chênh lệch công nợ, xử lý nợ	369.060.513	884.468.278
Thu nhập khác	204.795.707	-
Cộng	736.237.222	1.219.276.764

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

6.10 Chi phí khác

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Chi phí khác	10.653.720	2.066.570
Cộng	10.653.720	2.066.570

6.11 Chi phí thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.249.936.996	24.587.868.225
<i>Thu nhập (miễn thuế) - sản xuất Beta Lactam</i>	8.196.980.540	5.435.346.747
<i>Thu nhập với thuế suất 20% - sản xuất NonBeta Lactam</i>	14.896.658.323	13.166.392.551
<i>Thu nhập với thuế suất 25%</i>	4.156.298.132	5.986.128.927
Các khoản điều chỉnh xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	27.249.936.996	24.587.868.225
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	6.812.484.249	6.146.967.056
<i>Thuế TNDN được giảm 25% - sản xuất Beta Lactam</i>	(2.049.245.135)	(1.358.836.687)
<i>Thuế TNDN được giảm 5% - sản xuất NonBeta Lactam</i>	(744.832.916)	(1.974.958.883)
<i>Thuế TNDN hoàn lại năm 2008 theo quyết toán thuế</i>	-	(906.916.531)
<i>Thuế TNDN không được hưởng ưu đãi của thu nhập khác</i>	65.130.883	-
<i>Thuế TNDN không được hưởng ưu đãi của chi phí loại trừ</i>	28.804.318	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.112.341.399	1.906.254.956

6.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.137.595.597	22.495.695.164
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu thường	23.137.595.597	22.495.695.164
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.300.000	6.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.673	3.571

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Số 27 đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

7. THÔNG TIN KHÁC

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Khoản mục	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
- Tiền lương	1.664.857.813	896.898.153
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	43.158.291	31.523.456
- Phụ cấp	-	18.000.000
- Tiền thưởng	130.900.000	244.000.000
- Thù lao HĐQT & Ban kiểm soát	246.519.404	261.137.708
Cộng	<u>2.085.435.508</u>	<u>1.451.559.317</u>

Trà Vinh, ngày 06 tháng 03 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC****HOÀNG VĂN GIỚI****LÊ VĂN HỒ**